TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đỗ Tứ Hải**.
2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Ngô Thị Ngọc B –** sinh ngày: 02/4/1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp An L, xã Trung A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Nam H –** sinh ngày: 07/10/1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Tr, xã Trung H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Nam H do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung H, huyện V vào ngày 06/11/2010.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh H, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình nên anh chị thường hay cự cải cha mẹ hai bên có hòa giải khuyên can nhiều lần nhưng không thành còn dẫn đến trầm trọng hơn. Chị và anh H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Nam H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 27/02/2013 hiện nay cháu Ng đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Ngô Thị Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ý kiến ngày 20/6/2019 trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Nam H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị B về mối quan hệ hôn nhân. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý mà anh yêu cầu được đoàn tụ do anh còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 27/02/2013 hiện nay cháu Ng đang sống chung với chị B. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B thì anh đồng ý giao cháu Ng cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Nam H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Nam H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Đơn xin xác nhận về nơi sinh sống; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Dịch vụ chuyển phát nhanh.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Ngô Thị Ngọc B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Nam H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Ngọc B và anh Nguyễn Nam H do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung H, huyện V vào ngày 06/11/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị B trình bày thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình nên anh H và chị B thường hay cự cải, cha mẹ hai bên có hòa giải để vợ chồng đoàn tụ lại nhưng không thành. Chị và anh H đã không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Anh H trình bày anh và chị B trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, anh thừa nhận vợ chồng có cự cải với nhau, anh còn tình cảm với chị B. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh H, anh H không đồng ý mà anh H yêu cầu được đoàn tụ vì anh H còn thương vợ thương con. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì Tòa án có tiến hành hòa giải nhiều lần để động viên chị B và anh H quay về đoàn tụ với nhau nhưng cho đến nay chị B và anh H không đoàn tụ được, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị B và anh H đã sống ly thân nhau trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Ngọc B.

Về con chung: Chị B và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 27/02/2013. Hiện nay cháu Ng đang sống chung với anh chị B, sau khi ly hôn chị B yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H đồng ý giao cháu Ng cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Ngọc B và anh Nguyễn Nam H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Ngô Thị Ngọc B và anh Nguyễn Nam H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị Ngọc B phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Ngọc B.

Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Nam H.

Về con chung: Chị Ngô Thị Ngọc B và anh Nguyễn Nam H có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 27/02/2013. Giao cháu Nguyễn Ngọc Ng cho chị Ngô Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Nam H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Ngọc B và anh Nguyễn Nam H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Ngô Thị Ngọc B và anh Nguyễn Nam H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Thị Ngọc B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Ngô Thị Ngọc B đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0009771, ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị Ngô Thị Ngọc B đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Trung H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.